TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ GIÁO** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ - ST
Ngày 08-6-2023
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Kim Niệm;

Bà Lê Thị Phương Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phúc Vĩnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Thanh N, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Lê Đại T, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn bà Trần Thị Thanh N trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Về hôn nhân: Bà N và ông T chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương vào ngày 12/6/2017. Việc sống chung và đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì không hạnh phúc nữa mà thường hay xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã. Nay, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà N xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống bà N và ông T có 02 người con chung tên Lê Mạnh C, sinh ngày 27/6/2011 và Lê Trúc V, sinh ngày 08/7/2019. Cháu C hiện đang sống với ông T, cháu V đang sống với bà N. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được nuôi con Lê Trúc V, giao con Lê Mạnh C cho ông T nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai bị đơn ông Lê Đại T trình bày*:

Về hôn nhân: Ông T và bà N chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương vào ngày 12/6/2017. Việc sống chung và đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì không hạnh phúc nữa mà thường hay xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã. Nay, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà N xin ly hôn thì ông T đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống ông T và bà N có 02 người con chung tên Lê Mạnh C, sinh ngày 27/6/2011 và Lê Trúc V, sinh ngày 08/7/2019. Cháu C hiện đang sống với ông T, cháu V đang sống với bà N. Khi ly hôn, ông T yêu cầu được nuôi con Lê Mạnh C, giao con Lê Trúc V cho bà N nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của pháp luật. HĐXX thực hiện khai mạc phiên toà, phần thủ tục, phần tranh tụng đều đảm bảo đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Bà N và ông T chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương vào ngày 12/6/2017. Bà N và ông T đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 và có đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng bà đã xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên nguyên đơn tự nguyện xin ly hôn với bị đơn. Bị đơn cũng đồng ý ly hôn với nguyên đơn. Xét thấy việc ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Bà Trần Thị Thanh N và ông Lê Đại T có 02 người con tên Lê Mạnh C, sinh ngày 27/6/2011 và Lê Trúc V, sinh ngày 08/7/2019. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được nuôi con Lê Trúc V, ông T yêu cầu được nuôi con Lê Mạnh C. Tại biên bản ghi nhận ý kiến cháu C cũng có nguyện vọng được sống cùng với ông T. Do vậy, đề nghị HĐXX giao con Lê Mạnh C, sinh ngày 27/6/2011 cho ông T nuôi dưỡng, cháu Lê Trúc V, sinh ngày 08/7/2019 cho bà N nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị Thanh N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với ông Lê Đại T, bị đơn hiện cư trú tại xã P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do lần thứ hai. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về hôn nhân: Bà N và ông T chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương vào ngày 12/6/2017. Bà N và ông T đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 và có đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng bà đã xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên nguyên đơn tự nguyện xin ly hôn với bị đơn. Bị đơn cũng đồng ý ly hôn với nguyên đơn. Xét thấy việc ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Bà Trần Thị Thanh N và ông Lê Đại T có 02 người con tên Lê Mạnh C, sinh ngày 27/6/2011 và Lê Trúc V, sinh ngày 08/7/2019. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được nuôi con Lê Trúc V, ông T yêu cầu được nuôi con Lê Mạnh C. Tại biên bản ghi nhận ý kiến cháu C cũng có nguyện vọng được sống cùng với ông T. Do vậy, HĐXX quyết định giao cháu Lê Mạnh C, sinh ngày 27/6/2011 cho ông T nuôi dưỡng, cháu Lê Trúc V, sinh ngày 08/7/2019 cho bà N nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh N đối với bị đơn ông Lê Đại T về việc "Ly hôn".

2. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh N được ly hôn với ông Lê Đại T.

3. Về con chung: Giao con chung Lê Mạnh C, sinh ngày 27/6/2011 cho ông T nuôi dưỡng, giao con chung cháu Lê Trúc V, sinh ngày 08/7/2019 cho bà N nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu phù hợp quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Bà Trần Thị Thanh N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền

300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005129 ngày 06/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Mạnh